

Bản án số: 127/2021/DS-ST.

Ngày: 29-9-2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Nhân;

Ông Võ Lâm Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp H, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

- *Người liên quan, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Ngọc A, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người nguyên đơn ông Trần Ngọc K trình bày: Do quen biết, bà T có đến nhà của ông để vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích là để làm ăn, lo sinh hoạt trong gia đình. Vay tiền có làm biên nhận, có chữ ký của bà T, hai bên thỏa thuận thời gian trả tiền là 60 ngày, không có thỏa thuận lãi suất, nhưng đến hạn bà T không trả nợ cho ông. Nay ông yêu cầu bà T, ông A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay còn nợ 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không gửi văn bản ghi ý kiến của bà về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc A trình bày: Ông, bà T là vợ chồng, việc bà T vay tiền của ông K, ông biết, bà T vay tiền để làm ăn và lo sinh hoạt phí trong gia đình. Từ khi vay đến nay, ông và bà T chưa trả tiền cho ông K. Ông đồng ý cùng trách nhiệm liên đới với bà T trả cho ông K số tiền vay 30.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không gửi văn bản ghi ý kiến của bà về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc K;

Buộc bà Trần Thị T, ông Dương Văn Ân có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Ngọc K số tiền 30.000.000 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay còn nợ của nguyên đơn đây là tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Ngọc K khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc A trả tiền vay còn nợ. Đây là quan hệ tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý quan

hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn ông Trần Ngọc K, bị đơn bà Trần Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngọc A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[4]. Về thu thập chứng cứ:

Bị đơn bà Trần Thị T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án có thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà và ông Dương Ngọc A có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay 30.000.000 đồng. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến về chứng cứ nguyên đơn cung cấp, không có ý kiến phản bác hay phản tố lại yêu cầu của người khởi kiện và chứng cứ nguyên đơn thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

** Về nội dung vụ án:*

[5]. Về hợp đồng, yêu cầu khởi kiện: Giữa ông K, bà T có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản. Tuy nhiên, ông K đã giao đủ số tiền cho bị đơn. Các bên thực hiện hợp đồng vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, do bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 463, Điều 467 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[6]. Về trách nhiệm liên đới: Nguyên đơn yêu cầu ông Dương Ngọc A cùng liên đới với bà Trần Thị T trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ. Ông A đồng ý cùng bà T trả số tiền vay còn nợ cho nguyên đơn, vì bà T làm vay tiền để làm ăn lo cho gia đình. Căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Dương Ngọc A có trách nhiệm liên đới cùng bà Trần Thị T trả số tiền vay còn nợ cho nguyên đơn.

[7]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về quan điểm giải quyết án.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; 68; 92; 144; 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc K.

Buộc bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Ngọc K số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ông Trần Ngọc K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0009533 ngày 25 tháng 5 năm 2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- VKSND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thi